

Bản án số: 68/2024/DS-PT
Ngày: 08-5-2024
V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hiệu

Ông Nguyễn Lê Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLPT- DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hiền N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố D, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/6/2022)

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thanh M, sinh năm 1999; Địa chỉ: Tổ A, thôn H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn H – Công ty L1 Luật H&P, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Lô A, Khu dân cư H, đường T, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị X, sinh năm 1934

2. Ông Dương Văn Đ1, sinh năm 1961

3. Ông Dương Xuân S, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã M, huyện K - Nghệ An.

4. Bà Dương Thu H1, sinh năm 1975

5. Ông Dương Xuân T1, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Xóm M, xã M, huyện K - Nghệ An.

6. Ông Dương Quốc V, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khối P, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

7. Bà Dương Thị H2, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

8. Dương Thị Hoài N1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

9. Nguyễn Thành S1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

10. Phan Khánh P, sinh năm 1968; Địa chỉ: A H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

11. Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm 1966

12. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

13. Ủy ban nhân dân huyện T

14. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T3 – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lệ O – Phó Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn P1 – Công chức địa chính Ủy ban nhân dân xã B.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn H3, sinh năm 1971

2. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1966

3. Ông Nguyễn Trọng Hòa T4, sinh năm 1969

4. Ông Nguyễn Trọng H5, sinh năm 1944

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

5. Ông Nguyễn Trọng T5, sinh năm 1960; Địa chỉ: Nhà nghỉ T9, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của: bị đơn ông Nguyễn Thái

Tại phiên toà, có mặt: Bà N, ông T, bà M, ông H, bà N1, ông H3, ông Văn P2.
Vắng mặt những người còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nộp ngày 11/5/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Hiền N trình bày:

Diện tích đất mà bà Dương Thị Đ tranh chấp với ông Nguyễn T có diện tích khoảng 728,2m² tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc, ngày xưa thuộc về ông Tô phía bên nhà nội bà Đ là ông Hai D đã giao lại toàn quyền cho con trai là ông cố của bà tên Nguyễn C để quản lý và sử dụng. Sau đó ông Nguyễn Chai s ra các con trong đó có ông nội cậu là ông Nguyễn Kim C1 và bà nội bà Đ là bà Nguyễn Thị M1, các anh chị em của bà nội đã mất và không có con cháu đời sau, phần đất này đáng ra phải giao cho ông Nguyễn Kim C1 nhưng ông C1 đã hy sinh trong chiến tranh và được phong hiệu liệt sỹ, hiện gia đình bà Đ vẫn còn thờ cúng hương hỏa ông C1.

Như phần thừa đất này được luân phiên truyền cho đời sau và đời cha bà Đ là ông Dương Văn N2 con trai duy nhất của bà Nguyễn Thị M1 cũng là cháu ngoại đích tôn duy nhất của ông C.

Vào năm 1991 được xác nhận của trường tộc là ông Nguyễn Trọng L và sự cho phép của chính quyền địa phương, cha của bà Đ là ông Dương Văn N2 được phép nhận trực tiếp quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt đối với thừa đất nêu trên. Cha bà Đ là ông Dương Văn N2 là một Bác sỹ về hưu, trước khi về N3 An cư trú an hưởng tuổi già đã ủy quyền lại cho bà Đ cùng với con rể bà là ông Phan Khánh P (chồng Dương Thị Hoài N1) toàn quyền sử dụng, định đoạt.

Sau khi được giao đất khoảng từ đầu năm 1992 cho đến nay, gia đình bà Đ đứng ra quản lý, sử dụng phần đất này và thực hiện nghĩa vụ thuế đều đặn qua các năm, thời gian sử dụng liên tục không có ai cản trở hay tranh chấp. Qua quá trình sử dụng bà có xin cấp chính quyền địa phương xem xét cấp giấy chứng nhận nhưng vẫn chưa được giải quyết do còn tranh chấp. Hiện trên đất có 01 căn nhà nhỏ do bà Đ xây cất từ năm 2018 cho ông Nguyễn Thành S1 cháu bà Đ xin ở nhờ, nay S1 không ở nữa, đất này không có liên quan gì đến ông S1.

Tại Tòa hôm nay bà đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất có diện tích 728,2m² cho bà Dương Thị Đ. Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Theo đơn khởi kiện của bị đơn nộp ngày 19/5/2022 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn T trình bày:

Diện tích 728,2m² đất mà ông tranh chấp với bà Dương Thị Đ và bà Dương Thị Hoài N1 có nguồn gốc là do ông S2 (Nguyễn Khắc M2) khai hoang từ lâu để

xây dựng nhà ở. Ông bà Sơ sinh được 09 người con, 07 người chết, còn lại 02 người: Nguyễn Khắc H6 và Nguyễn Khắc T7 ông gọi bằng cố, sau khi ông bà sơ chết thì thừa đất này giao lại cho cố Hoan, sau đó ông H6 giao lại cho nội hai (Nguyễn Khắc N4) tiếp tục thừa hưởng và kế thừa tài sản của tổ tiên nhưng ông N4 không có con trai chỉ có 01 con gái là Nguyễn Thị M1 (mẹ ông Dương Văn N2), đến năm 1972 thừa đất giao cho cha ông là ông Nguyễn H7 quản lý, sử dụng. Đến năm 1993 cha ông mất không để lại di chúc, ông là con trai nên được thừa kế phần đất này. Năm 2018 bà N1 ngang nhiên xây dựng nhà trên phần đất này, ông phát hiện và làm đơn gởi Ủy ban nhân dân xã G và đề nghị ngăn chặn vào ngày 28/3/2018, sau đó nhiều lần ông có gởi đơn đến Ủy ban nhân dân xã B xem xét giải quyết về việc bà N1 xây dựng trái phép nhưng không được giải quyết theo quy định pháp luật. Cụ thể tại Công văn 117/UBND-PAKN ngày 29/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã B về việc trả lời đơn khiếu nại của ông, trong đó có nội dung: Sau khi nhận đơn của ông Nguyễn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo cho Công an xã B tổ chức kiểm tra, qua kiểm tra làm việc với ông Nguyễn Thành S1, ông S1 trình bày được bà Dương Thị Đ cho phép ông xây dựng nhà tạm để ở và quản lý đất.

Tại Tòa hôm nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Hoài N1 phải có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà cấp 4 do ông S1 ở tạm, trả lại thừa đất có diện tích 728,2m² để nhà nước công nhận quyền sử dụng cho ông, ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Hoài N1 trình bày:

Bà là con bà Dương Thị Đ, vợ ông Phan Khánh P, ông P đã ủy quyền cho bà tham gia tố tụng, mọi quyết định của bà cũng như quyết định của ông P. Diện tích đất mà bà Dương Thị Đ tranh chấp với ông Nguyễn T có diện tích khoảng hơn 700m² tại thôn A, xã B, huyện T chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất, yêu cầu và ý kiến mà đại diện nguyên đơn trình bày thì bà thống nhất, bà không bổ sung hay yêu cầu gì thêm, mong cơ quan pháp luật giải quyết cho công bằng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành S1 trình bày:

Về nguồn gốc đất, ngày xưa thuộc về ông Tô phía bên nhà nội bà Đ là ông Hương H8 đã giao lại toàn quyền cho con trai là ông cố ngoại của bà Đ tên Nguyễn C để quản lý và sử dụng. Sau đó ông Nguyễn Chai s ra các con trong đó có ông nội cậu là ông Nguyễn Kim C1 (con vợ sau ông C) và bà nội bà Đ là bà Nguyễn Thị M1 (con vợ trước ông C), các anh chị em của bà nội đã mất và không có con cháu đời sau, phần đất này đáng ra phải giao cho ông Nguyễn Kim C1 nhưng ông Kim C1 đã hy sinh trong chiến tranh nên giao cho bà Nguyễn Thị M1. Do bà M1 không có ở đây (ở S) nên giao đất cho ông Nguyễn H7 (ba ông T) hưởng lợi từ 02 khu vườn khác và trong coi đất này (đất tranh chấp), sau khi ông Dương Văn N2 từ Bắc về công tác làm giám đốc Bệnh viện ở đây thì ông N2 là người quản lý đất và nộp thuế đất cho nhà nước, đến khi ông N2 về hưu thì ông về Bắc lại, ông giao đất cho bà Đ con ông thừa kế quản lý đất đến bây giờ.

Nhà trên đất tranh chấp là do gia đình bà N1 bỏ tiền ra xây để ở và ông là người xây, vì điều kiện làm ăn nên ông đi làm chỗ khác, trong quá trình xây cất thì ông không thấy ai tranh chấp hay phản đối gì cả, chỉ lúc mới xây có vợ ông Nguyễn Thái t chửi bới, la lối, ông có báo sự việc nơi vợ ông T công tác biết để có biện pháp xử lý bà, sau đó thì im luôn không thấy ai tới nữa. Theo ông, ông T không có quyền thừa kế trên mảnh đất này. Vì đất này không liên quan đến ông Nguyễn H7, ông H7 chỉ là người trông coi đất và hưởng lợi từ việc trông coi vườn. Ông không yêu cầu phân tố gì đối với yêu cầu của bà Đ hay ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X, ông Dương Văn Đ1, ông Dương Quốc V, ông Dương Xuân S, ông Dương Xuân T1, bà Dương Thu H1 trình bày tại Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 08/8/2023:

Ông bà tự nguyện từ chối nhận tài sản mà các ông bà được hưởng của ông Dương Văn N2 và cam đoan sẽ không khiếu nại gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H2 trình bày tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 14/8/2023:

Bà là em ruột cùng cha cùng mẹ với bà Dương Thị Hoài N1. Diện tích đất mà bà Dương Thị Đ tranh chấp với ông Nguyễn T có diện tích khoảng 728,2m² tại thôn A, xã B, huyện T chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất này do cha bà Đ là ông Dương Văn N2 nhận thừa kế từ các ông Tô, ông cố bà, nay cha bà chết thì bà là một trong những người được thừa kế từ cha bà. Nay bà xét thấy không cần thiết phải nhận di sản của cha bà nên bà xin từ chối nhận di sản cha bà để lại và giao toàn quyền quyết định cho bà Dương Thị Đ, để cho bà Đ khởi kiện tranh chấp, coi như không liên quan gì đến bà. Bà sẽ không khiếu nại bất kỳ một lý do gì liên quan đến đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Nguyễn Thanh B trình bày tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 28/8/2023:

Ông, bà là con ông Nguyễn H7 và là em ông Nguyễn T. Việc ông T khởi kiện tranh chấp đất với bà Dương Thị Đ và bà Dương Thị Hoài N1 thì ông bà biết đất tranh chấp có liên quan đến cha ông bà là ông H7 diện tích bao nhiêu không rõ, ông chết nên đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh chị em ông bà và được thừa kế, vì vậy mọi vấn đề tranh chấp có liên quan đến quyền lợi của ông bà. Ông bà đồng ý để cho ông T đại diện cho anh em ông bà đi kiện mọi quyết định của ông T cũng như quyết định của ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người làm chứng ông Lê Văn H3 trình bày:

Ông không có quan hệ bà con hay họ hàng gì với bà Dương Thị Đ, chỉ là hàng xóm ở sát bên đất tranh chấp tại thôn A, xã B. Theo ông biết khi ông đến đó ở năm

1992 thì được ba ông nói lại khu đất bà Đ tranh chấp yêu cầu công nhận cho bà là có nguồn gốc là của mẹ ông Dương Văn N2 cha bà Đ, mẹ ông N2 mất thì giao lại cho ông N2, ông N2 mất để lại cho bà Đ từ đó đến giờ, trong quá trình quản lý thì bà Đ cho em họ bà tên S cất nhà ở, sau này ông S bỏ đi, còn bà Đ tiếp tục quản lý đất, diện tích đất tôi không nhớ bao nhiêu mét vuông.

Ông biết thêm lúc thời điểm ông còn làm Trưởng thôn 1, xã B thì ông có giao phiếu thu nộp thuế cho 01 số hộ dân thôn A trong đó có đất của ông N2 để lại cho con ông là bà Đ, lúc đó bà Đ là trực tiếp nộp thuế đất của diện tích đất đó, đất này loại đất phi nông nghiệp.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H4 trình bày:

Bà không có quan hệ bà con hay họ hàng gì với bà Dương Thị Đ, chỉ là hàng xóm ở sát bên đất tranh chấp tại thôn A, xã B. Theo bà biết khi bà đến ở do không có đất ở nên bà có xin ba bà Đ cất nhà tạm để ở trên diện tích đất này từ năm 1990, gia đình bà ở đến năm 2007 mới dọn đi, khi gia đình dọn đi thì có báo với bà Đ biết, vì ba của bà Đ về Bắc sau đó ông mất năm nào bà cũng không rõ. Đất này có nguồn gốc từ mẹ của ông Dương Văn N2 (ba của bà Đ), ông mất để lại cho ông N2, việc để lại đất cho ông N2 là do ông trưởng tộc tuyên bố làm giấy giao có sự chứng kiến của bà. Trong thời gian gia đình bà ở thì bà không thấy ai đến tranh chấp đất này cả. Hiện gia đình bà vẫn còn ở gần đất tranh chấp cách đó khoảng chừng 30m. Ngoài ra bà không biết vấn đề gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 157, 158, 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 24 Điều 3, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ đối với ông Nguyễn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Công nhận diện tích 728,2m² đất, tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 50, vị trí: Phía đông giáp đường đi 2m; phía tây giáp đất Phạm Thị T8; phía nam giáp đường đi 3m; phía bắc đường đi 4m, tọa lạc tại xóm A, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận cho bà Dương Thị Đ.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 728,2m² đất cho ông.

Bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận diện tích 728,2m² đất cho bà theo quyết định của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2023, bị đơn ông Nguyễn T kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm, dựa trên những cơ sở sau:

+ Đất tranh chấp này là đất hương hỏa của dòng họ Nguyễn Khắc . Bà Nguyễn Thị M1 đã giao lại cho ông Nguyễn H7 (ba của ông T) quản lý, sau đó ông H7 chết không để lại di chúc nên ông T là người đương nhiên hưởng thừa kế tài sản này và hiện tại ông T là người đang thờ cúng

+ Ông Kinh N5 đã mượn một số giấy tờ của ông Nguyễn H7 có liên quan đến đất tranh chấp này nhưng hiện nay ông N5 đã chết, giấy tờ bị thất lạc nên ông T không có để cung cấp cho Tòa.

+ Tòa sơ thẩm không xác minh chữ ký của ông Nguyễn Trọng L trong giấy xác nhận nhà cửa, đất đai lập ngày 20/10/1991.

+ Việc bà Đ nộp thuế trong quá trình sử dụng đất không phải là căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai.

Từ những căn cứ trên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho tạm ngừng phiên tòa để xác minh một số tài liệu liên quan bị thất lạc do ông Kinh Năng m.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và có một số ý kiến:

+ Bà Đ mới là người đang thờ cúng và hưởng chế độ liệt sỹ của ông Nguyễn Kim C1.

+ Đất hương hỏa của dòng họ Nguyễn K là ở nơi khác chứ không phải là thửa đất đang tranh chấp.

+ Những phát biểu tranh luận của Luật sư bên phía bị đơn là không đúng nên tôi không tranh luận và giữ nguyên quan điểm của mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Hoài N1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án: Xét nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình xem xét, thẩm định và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất xác định diện tích đất tranh chấp là 728,2m² tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

[4] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn khai về nguồn đất tranh chấp có sự mâu thuẫn nhau.

[4.1] Bà Đ khai thì đất này là do cha bà là ông Dương Văn N2 để lại cho bà. Đất có nguồn gốc từ ngày xưa để lại qua các đời, từ ông Hương H8 (ông Tô Nguyễn Khắc H6) để lại cho ông có tên Nguyễn C, đến bà nội tên Nguyễn Thị M1 và bà nội để lại cho cha bà là ông Dương Văn N2. Trong đó, ông Dương Văn N2 là con trai duy nhất của bà Nguyễn Thị M1, cháu ngoại đích tôn duy nhất của ông Nguyễn Chai .1 Ngoài ra, bà Đ còn cung cấp thêm “Giấy xác nhận nhà cửa, đất đai” do ông Dương Văn N2 lập ngày 20/10/1991, có xác nhận của ông Nguyễn Trọng L trưởng tộc thời bấy giờ và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B cùng ngày. Quá trình canh tác, sử dụng từ thời cha bà là ông N2 thì ông thực hiện nghĩa vụ thuế cho nhà nước đầy đủ, sau ông về B1 sinh sống thì để lại cho bà và ông Phan Khánh P (con rể bà) quản lý đến nay mà không có ai cản trở, tranh chấp. Vào năm 2018 bà có cho ông Nguyễn Thanh S3 xin cất nhà tạm ở một thời gian thì không ở nữa.

[4.2] Phía bị đơn ông T lại khai đất này do cha ông là ông Nguyễn H7 được bà Nguyễn Thị M1 giao lại cho canh tác vào thời điểm năm 1972. Đất từ thời ông sơ của ông T là ông Nguyễn Khắc M2 để lại cho ông Nguyễn Khắc H6 (tên gọi khác là Hương H8), ông H6 lại để lại cho ông Nguyễn Khắc N4 và sau đó, ông N4 để lại

cho người con duy nhất là bà Nguyễn Thị M1. Năm 1972 bà M1 giao cho ông Nguyễn H7 là cha ông. Ông H7 chết không để lại di chúc, ông là con trai nên ông được hưởng, từ lý do đó ông yêu cầu công nhận diện tích đất này cho ông.

[4.3] Ông Nguyễn T là cháu thuộc nhánh cụ cố Nguyễn Khắc T7 của dòng họ Nguyễn K; nhưng cụ cố Nguyễn Khắc T7 không quản lý sử dụng phần diện tích 728,2m² đất, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T. Sau khi ông Nguyễn Khắc M2 chết thì ông Nguyễn Khắc H6 quản lý tài sản do cha là Nguyễn Khắc M2 để lại; đồng thời không có chứng cứ nào thể hiện ông Nguyễn Khắc T7 và ông Nguyễn Khắc H6 có tranh chấp đối với phần diện tích 728,2m² đất, do cha là Nguyễn Khắc M2 để lại, đồng nghĩa với việc ông T7 đã đồng ý để cho anh trai ông H6 định đoạt tài sản do cha, mẹ để lại.

[4.4] Sau khi cụ cố Nguyễn Khắc H6 chết thì các con, cháu của cụ cố Nguyễn Khắc H6 kế thừa quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích 728,2m² đất, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T. Trong đó: bà Nguyễn Thị M1 là cháu nội của cụ cố Nguyễn Khắc H6 thuộc dòng họ Nguyễn Khắc quản lý, sử dụng đất. Đến ngày 20/10/1991, Ủy ban nhân dân xã B, huyện T có xác nhận phần diện tích 728,2m² đất, trước đây là của ông Dương Văn N2 nay vì điều kiện nhân thân nội, ngoại chỉ còn lại bà Nguyễn Thị M1 có con là Dương Văn N2 được thừa kế theo sự thống nhất của gia tộc, ông Dương Văn N2 cháu ngoại là người duy nhất được hưởng thừa kế; đồng thời có xác nhận của trưởng tộc là ông Nguyễn Trọng L.

[4.5] Kể từ năm 1992 cho đến nay, gia đình bà Dương Thị Đ quản lý, sử dụng phần diện tích 728,2m² đất nêu trên và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất hàng năm, sử dụng đất liên tục ổn định. Trong quá trình sử dụng bà Dương Thị Đ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận nhưng chưa được cấp giấy, do có khiếu nại của ông Nguyễn T. Hiện trên đất có 01 căn nhà do bà Dương Thị Đ xây cất từ năm 2018.

[4.6] Lời khai của những người làm chứng ông Lê Văn H3, bà Nguyễn Thị H4 sống xung quanh đất tranh chấp xác nhận đất này có nguồn gốc như lời khai của bà Đ là phù hợp, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Nguyễn H7 là cháu nội của cụ ông Nguyễn Khắc T7 được hưởng thừa kế đối với diện tích 728,2m² đất có nguồn gốc do ông sơ Nguyễn Khắc M2 để lại. Đối với ông Nguyễn H7 là cha ông Nguyễn T vào khoảng năm 1972 bà Nguyễn Thị M1 (bà ngoại của bà Dương Thị Đ) có cho ông Nguyễn H7 quản lý, gìn giữ đối với diện tích 728,2m² đất một thời gian; chứ không phải ông H7 được hưởng thừa kế đối với diện tích đất này, là phù hợp với sơ đồ huyết thống do ông Nguyễn T, bà Dương Thị Đ cung cấp thì ông Nguyễn H7 là thuộc nhánh cụ Nguyễn Khắc T7 của họ Nguyễn K và không liên quan đến tài sản của nhánh cụ Nguyễn Khắc H6 quản lý sử dụng.

[4.7] Như vậy, bà Dương Thị Đ có quá trình sử dụng ổn định đối với diện tích 728,2m² đất, tọa lạc tại thôn A, xã B, huyện T nên đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999; Điều 3, khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 100 Luật Đất đai 2013.

[4.8] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2022 thể hiện trên đất tranh chấp có căn nhà xây, mái lợp tôn xi măng diện tích 101,3m², ông Nguyễn T yêu cầu tháo dỡ, còn bà Dương Thị Đ không yêu cầu xem xét hay tháo dỡ, do không có căn cứ công nhận đất cho ông T nên giữ nguyên hiện trạng căn nhà.

[4.9] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị tạm ngừng phiên tòa để làm rõ những tài liệu, chứng cứ mà ông Kinh Năng m của ông H7. Tuy nhiên, từ lời khai của ông Nguyễn T thể hiện ông Kinh N5 đã chết, ông T có 3 lần liên hệ Ủy ban nhân dân huyện T thì được biết những tài liệu này đã không còn, ông T cũng không có đơn đề nghị hay khiếu nại gì về những tài liệu thất lạc này. Nên việc tạm ngừng phiên tòa cũng không thể thu thập được những tài liệu nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của Luật sư.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh, không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999; Điều 3, khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 100, khoản 24 Điều 3, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Đ đối với ông Nguyễn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Công nhận diện tích 728,2m² đất, tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 50, vị trí: Phía đông giáp đường đi 2m; phía tây giáp đất Phạm Thị T8; phía nam giáp đường đi 3m; phía bắc đường đi 4m, tọa lạc tại xóm A, thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận cho bà Dương Thị Đ.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 728,2m² đất cho ông.

Bà Dương Thị Đ có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận diện tích 728,2m² đất cho bà theo quyết định của Tòa án.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003611 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông T đã nộp tại Biên lai số 0020068 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong ngày 13/10/2023. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn T phải hoàn lại cho bà Dương Thị Đ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định, định giá và bản vẽ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (08/5/2024)

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Tuy Phong;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tò HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn

